

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 112 /BC-TĐTĐB-P5



BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 - NĂM 2015

Yên Bái, ngày 19 tháng 01 năm 2016



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		30.704.532.513	56.772.680.049
310	I. Nợ ngắn hạn		30.704.532.513	56.772.680.049
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		5.615.107.649	8.698.516.903
312	2. Người mua trả tiền trước		1.266.277.800	49.382.400
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	7.731.143.249	16.626.081.442
314	4. Phải trả người lao động		7.722.286.949	9.389.968.736
315	5. Chi phí phải trả	12	3.830.327.083	2.256.168.516
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	13	3.020.839.244	18.107.370.050
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.518.550.539	1.645.192.002
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		842.436.568.287	923.137.139.078
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	842.436.568.287	923.137.139.078
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		78.789.742.471	42.155.876.721
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		70.710.862.106	107.344.727.856
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		57.935.963.710	138.636.534.501
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.145.105.888	296.002.394
	b - LNST chưa phân phối kỳ này		51.790.857.822	138.340.532.107
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		873.141.100.800	979.909.819.127

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Báo cáo tài chính

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

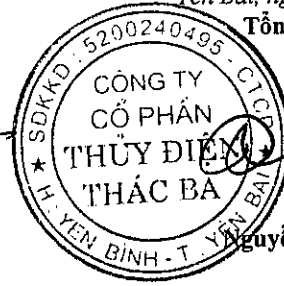
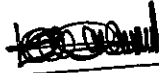
Quý 4 năm 2015

Yên Bái, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Minh

Lê Đức Tuấn

Nguyễn Văn Quyền

THÁC BÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính
 Quý 4 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2015		Quý 4 năm 2014		Lũy kế đến 31/12/2015		Lũy kế đến 31/12/2014	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	58.721.158.802	77.826.978.922	251.087.216.645	311.811.762.771				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu									
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		58.721.158.802	77.826.978.922	251.087.216.645	311.811.762.771				
11	4. Giá vốn hàng bán	17	28.530.668.518	35.853.025.958	98.784.782.337	130.340.995.863				
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.190.490.284	41.973.952.964	152.302.434.308	181.470.766.908				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	7.972.443.812	7.304.710.393	20.021.181.451	22.045.962.079				
22	7. Chi phí tài chính	19	(1.183.756)	3.367.936		5.416.849				
23	Trong đó: Chi phí lãi vay									
24	8. Chi phí bán hàng									
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.741.034.071	12.963.257.366	29.977.269.736	30.251.391.548				
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.423.083.781	36.312.038.055	142.346.346.023	173.259.920.590				
31	11. Thu nhập khác	20	2.283.050.073	171.804.141	2.367.886.051	299.454.775				
32	12. Chi phí khác	21	364.742.571	65.356.477	396.695.857	114.242.352				
40	13. Lợi nhuận khác		1.918.307.502	106.447.664	1.971.190.194	185.212.423				
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.341.391.283	36.418.485.719	144.317.536.217	173.445.133.013				



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính
Quý 4 năm 2015

51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	5.950.781.908	7.101.463.498	29.026.678.395	35.104.600.906
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		22.390.609.375	29.317.022.221	115.290.857.822	138.340.532.107
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		353	462	1.816	2.179
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-			-

Người lập

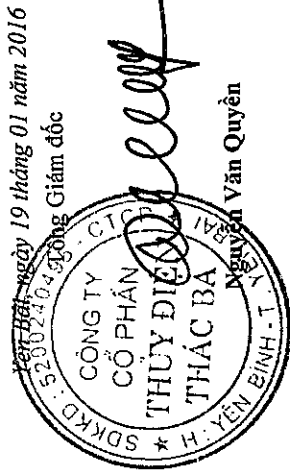


Lê Hồng Minh

Kế toán trưởng



Lê Đức Tuấn



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4 năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		144.317.536.217	173.445.133.013
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		43.818.204.492	64.945.635.373
03	- Các khoản dự phòng		(261.363.949)	(2.314.424.246)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(344.999)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(22.156.241.031)	(22.055.439.679)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		165.717.790.730	214.020.904.461
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		58.692.684.949	(40.854.961.235)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.481.457.294	3.661.531.633
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.427.692.304)	14.757.464.228
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.145.920.178)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(30.186.076.835)	(31.878.203.588)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		674.550.215	1.064.118.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.304.207.464)	(5.169.039.598)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		173.502.586.407	155.601.813.901
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(44.293.862.359)	(19.211.655.120)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		2.500.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(255.845.590.676)	(112.593.354.050)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		88.160.417.705	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.851.461.491	21.056.717.710
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(195.627.573.839)	(110.748.291.460)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(199.246.050.600)	(109.335.095.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(199.246.050.600)	(109.335.095.300)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(221.371.038.032)	(64.481.572.859)



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

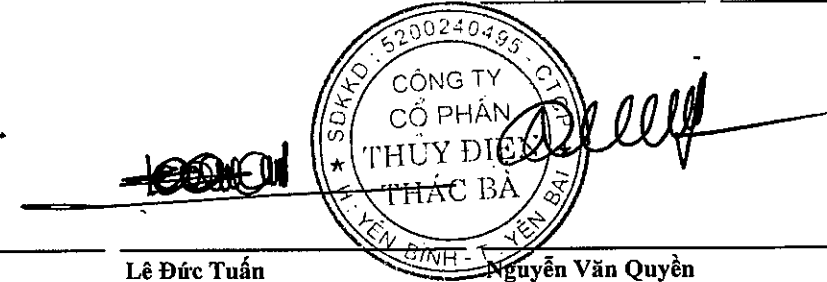
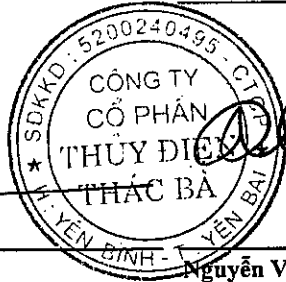
Quý 4 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4 năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		275.153.556.209	339.638.497.004
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		344.999	(3.367.936)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>53.782.863.176</u>	<u>275.153.556.209</u>

Lê Hồng Minh
 Người lập

Lê Đức Tuấn
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quyền
 Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 19 tháng 01 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2015

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 11 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

1.3 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

1.6 . Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
- Địa chỉ: Thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty đang áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính .

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**a** Chứng khoán kinh doanh**b** Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các Tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác. Nếu kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản ngắn hạn. Trường hợp kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là tài sản dài hạn.

c Các khoản cho vay**d** Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**e** Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính**2.5 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2015

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

2.8 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Nợ phải trả

2.11 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

2.12 . Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.13 . Chi phí phải trả

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam) theo Công văn chấp nhận số 744/BTC-CĐKT ngày 19/06/2006 của Bộ Tài chính. Các khoản chi phí sửa chữa lớn phát sinh trong năm được ghi nhận toàn bộ vào chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời ghi nhận tăng chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả. Các khoản chi phí sửa chữa lớn đã ghi nhận vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và chi phí phải trả sẽ được tất toán khi các công trình sửa chữa lớn hoàn thành và được phê duyệt quyết toán.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2015

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện năm 2015 được xác định căn cứ theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012/HĐ-NMĐTĐ ngày 28 tháng 6 năm 2012 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 03 ngày 14 tháng 1 năm 2015 ký giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2015

Theo Công văn số 4023/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 13/10/2008 về chính sách ưu đãi thuế gửi Cục thuế Tỉnh Yên Bái thì Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (Công ty đăng ký miễn thuế từ năm 2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Cũng theo Công văn này, trong 10 năm kể từ khi thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%. Năm 2015 Công ty đã hết giai đoạn được miễn và giảm thuế và là năm thứ 10 Công ty được hưởng ưu đãi với mức thuế suất 20%.

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	880.772.960	132.648.268
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.270.505.980	15.593.956.785
Các khoản tương đương tiền	29.631.584.236	259.426.951.156
	53.782.863.176	275.153.556.209

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng Agribank - CN Huyện Yên Bình

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a Chứng khoán kinh doanh				
b Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
b1 Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	289.724.592.557	289.724.592.557	112.593.354.050	112.593.354.050
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
	289.724.592.557	289.724.592.557	112.593.354.050	112.593.354.050
c Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
- Các khoản đầu tư khác (**)	32.619.000.000	32.619.000.000	32.619.000.000	32.619.000.000
	32.619.000.000	32.619.000.000	32.619.000.000	32.619.000.000

(**) Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, số cổ phần Công ty đang nắm giữ tại thời điểm 31/12/2015 là 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

5 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a Ngắn hạn				
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2015

Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	5.923.087.362	-	2.944.489.543	-
Phải thu người lao động	1.411.760.711	-	3.288.730.763	-
Ký quỹ, ký cược	551.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.236.677.611	-	9.506.171.544	-
	<u>9.122.525.684</u>		<u>15.739.391.850</u>	

b Dài hạn**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.869.492.406	-	6.321.880.827	-
Công cụ, dụng cụ	359.375.849	-	388.444.722	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn k	-	-	-	-
	<u>5.228.868.255</u>		<u>6.710.325.549</u>	

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	116.806.407	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	52.417.200
	<u>116.806.407</u>	<u>52.417.200</u>

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THẮC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính
 Quý 4 năm 2015

8 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2015	632.439.611.799	752.549.313.553	17.724.176.684	4.971.921.343	117.454.545	1.407.802.477.924
Mua sắm	-	27.033.280.187	-	-	-	27.033.280.187
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	9.600.585.563	-	-	-	-	9.600.585.563
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	6.003.840.716	-	-	-	6.003.840.716
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	642.040.197.362	773.578.753.024	17.724.176.684	4.971.921.343	117.454.545	1.438.432.502.958
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2015	387.722.445.758	573.274.893.307	14.183.443.976	4.673.473.926	31.420.288	979.885.677.255
Trích khấu hao	19.627.395.606	22.993.603.896	607.409.240	144.196.351	11.745.455	43.384.350.548
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	6.003.840.716	-	-	-	6.003.840.716
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	407.349.841.364	590.264.656.487	14.790.853.216	4.817.670.277	43.165.743	1.017.266.187.087
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	244.717.166.041	179.274.420.246	3.540.732.708	298.447.417	86.034.257	427.916.800.669
Tại ngày 31/12/2015	234.690.355.998	183.314.096.537	2.933.323.468	154.251.066	74.288.802	421.166.315.871



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2015

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	20.558.322.400	-	20.558.322.400
Mua sắm	-	77.000.000	77.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	20.558.322.400	77.000.000	20.635.322.400
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	1.871.329.386	-	1.871.329.386
Trích khấu hao	411.166.443	22.687.501	433.853.944
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	2.282.495.829	22.687.501	2.305.183.330
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	18.686.993.014	-	18.686.993.014
Tại ngày 31/12/2015	18.275.826.571	54.312.499	18.330.139.070

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	741.429.416	972.052.125
Trường THCS Yên Bình - Giai đoạn 2	-	957.027.906
Đầu tư thay thế MBA T2	-	15.024.219
Trường mầm non Hồng Ngọc Tà Xi Láng	741.429.416	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.336.098.557	1.299.140.610
Đại tu đường kiểm tra đập 8	893.784.092	-
Đại tu thanh cái 110KV	288.340.438	-
Sửa chữa lớn khác	153.974.027	-
Sửa chữa Hội trường lớn	-	497.835.138
Sửa chữa nhà ăn ca	-	500.285.472
Đại tu các ngăn lộ điều khiển đường dây 110KV	-	301.020.000
	2.077.527.973	2.271.192.735

11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	31/12/2015 VND
Thuế Giá trị gia tăng	6.331.742.951	18.425.211.102	24.873.760.460	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.110.180.348	29.026.678.395	30.186.076.835	5.950.781.908
Thuế Tài nguyên	3.184.158.143	21.482.869.011	23.114.252.975	1.552.774.179
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.480.649.060	2.200.644.698	227.587.162
Các loại thuế khác	-	131.485.307	131.485.307	-
	16.626.081.442	71.546.892.875	80.506.220.275	7.731.143.249



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀKhu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523**Báo cáo tài chính**

Quý 4 năm 2015

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a Ngắn hạn	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa đường kiểm tra đập 8	1.067.985.411	-
Chi phí đại tu hội trường lớn và nhà ăn tập thể	-	497.835.138
Chi phí đại tu nhà ăn ca	-	500.285.472
Chi phí sửa chữa đại tu các ngăn lộ điều khiển đường dây 110kv	-	301.020.000
Chi phí tài trợ xây dựng Trường THCS Yên Bình (Giai đoạn 2)	-	957.027.906
Chi phí sửa chữa nhà điều hành	1.556.025.063	-
Chi phí đại tu thanh cái 110KV	288.340.438	
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định khác	140.574.027	
Chi phí tài trợ xây dựng trường mầm non Hồng Ngọc (Tà Xi Láng)	777.402.144	-
	<u>3.830.327.083</u>	<u>2.256.168.516</u>

b Dài hạn**13 . PHẢI TRẢ KHÁC**

a Ngắn hạn	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHYT, BHTN, BHXH	215.956.384	87.982.131
Phải trả cổ tức cho cổ đông	163.175.825	8.828.097.525
Phải trả, phải nộp khác	2.641.707.035	9.191.290.394
	<u>3.020.839.244</u>	<u>18.107.370.050</u>

b Dài hạn**c Số nợ quá hạn chưa thanh toán****14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính
 Quý 4 năm 2015

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	635.000.000.000	42.155.876.721	107.344.727.856	-	138.636.534.501	923.137.139.078
Tại ngày 01/01/2015	635.000.000.000	42.155.876.721	107.344.727.856	-	138.636.534.501	923.137.139.078
Tăng vốn	-	36.633.865.750	-	-	-	36.633.865.750
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	115.290.857.822	115.290.857.822
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tặng khác (*)	-	-	(36.633.865.750)	-	-	(36.633.865.750)
Giảm vốn	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	(5.491.428.613)	(5.491.428.613)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(190.500.000.000)	(190.500.000.000)
Điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	635.000.000.000	78.789.742.471	70.710.862.106	-	57.935.963.710	842.436.568.287

||E| C M K 1011

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2015

b) Các quỹ công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	70.710.862.106	107.344.727.856
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	<u>70.710.862.106</u>	<u>107.344.727.856</u>
15 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán		
Ngoại tệ các loại	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	393,53	402,15
- Đồng Đô la Singapore (SGD)	4.840,00	4.840,00
16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2015	31/12/2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	55.440.148.414	243.578.663.277
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.281.010.388	7.508.553.368
	<u>58.721.158.802</u>	<u>251.087.216.645</u>
17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2015	31/12/2015
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	27.965.072.182	97.294.266.237
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	565.596.336	1.490.516.100
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<u>28.530.668.518</u>	<u>98.784.782.337</u>
18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2015	31/12/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	7.974.894.274	18.220.836.452
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.800.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	(2.450.462)	344.999
	<u>7.972.443.812</u>	<u>20.021.181.451</u>
19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2015	31/12/2015
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	(1.183.756)	-
Chi phí tài chính khác	(1.183.756)	-
	<u>(1.183.756)</u>	<u>-</u>
20 . THU NHẬP KHÁC		Lũy kế đến
	Quý 4 năm 2015	31/12/2015
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.272.727.273	2.272.727.273
- Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
- Tiền phạt thu được	-	-
- Thuế được giảm	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính

Quý 4 năm 2015

- Các khoản khác	10.322.800	95.158.778
	2.283.050.073	2.367.886.051
21 . CHI PHÍ KHÁC		Luỹ kê đến
	Quý 4 năm 2015	31/12/2015
	VND	VND
- Các khoản khác	364.742.571	396.695.857
	364.742.571	396.695.857
22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		Luỹ kê đến
	Quý 4 năm 2015	31/12/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.149.491.304	3.210.022.676
Chi phí nhân công	12.021.376.841	28.931.505.454
Chi phí khấu hao	10.243.450.632	43.818.204.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.299.768.616	2.326.078.326
Chi phí khác	15.557.615.196	50.476.241.125
	40.271.702.589	128.762.052.073
23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		Luỹ kê đến
	Quý 4 năm 2015	31/12/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	29.214.185	580.110.742
Chi phí nhân công	4.856.536.554	11.484.244.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.627.062	998.508.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	952.498.366	1.826.900.763
Chi phí khác bằng tiền	5.653.157.904	15.087.505.843
	11.741.034.071	29.977.269.736
24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		Luỹ kê đến
	Quý 4 năm 2015	31/12/2015
	VND	VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.950.781.908	29.026.678.395
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.950.781.908	29.026.678.395
25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN		
Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.		
26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN		
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:		
	Mỗi quan hệ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu ủy thác quản lý vốn		

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Khu 8, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
 Tel: (84-029) 3 884 116 Fax: (84-029) 3 827 523

Báo cáo tài chính
 Quý 4 năm 2015

Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	Trực thuộc Tập đoàn EVN	54.506.317.666	52.699.397.690
Phải thu tiền bán hàng			
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Trực thuộc Tập đoàn EVN	34.929.073.119	82.742.624.000
Phải trả người bán			
Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh	Trực thuộc Tập đoàn EVN	4.122.600.000	-
Công ty CP tư vấn xây dựng điện II	Trực thuộc Tập đoàn EVN	556.799.291	-
Trả trước cho người bán			
Tổng công ty thiết bị điện Đông Anh	Trực thuộc Tập đoàn EVN	-	2.736.300.000

27 . THÔNG TIN KHÁC

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2015 với Quý 4 năm 2014

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4 năm 2014 đạt 29.317.022.221 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4 năm 2015 đạt 22.390.609.375 đồng

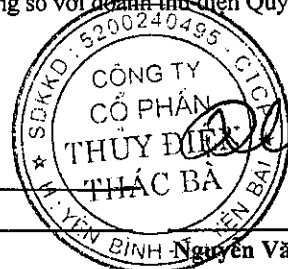
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 4 năm 2015 giảm 6.926.412.846 đồng so với lợi nhuận sau thuế Quý 4 năm 2014 nguyên nhân chủ yếu do lưu lượng nước về hồ trong Quý 4 năm 2015 thấp hơn so với Quý 4 năm 2014 dẫn đến sản lượng điện thương phẩm giảm 30.684.900 kWh so với cùng kỳ năm trước, do đó doanh thu điện Quý 4 năm 2015 giảm 21.460.284.329 đồng so với doanh thu điện Quý 4 năm 2014 dẫn đến Tổng doanh thu và Lợi nhuận sau thuế giảm.



Lê Hồng Minh
 Người lập



Lê Đức Tuấn
 Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền
 Tổng Giám đốc

Yên Bái, ngày 19 tháng 01 năm 2015